

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 18-01-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TRÀ VINH

-Với Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Hồng Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Sang

Bà Thi Thị Thanh Trúc

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Khóm Mỹ Cẩm A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

-Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Oanh T, sinh năm 1980

Địa chỉ: ấp Long Hưng 1, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Năm 2008 ông với bà Nguyễn Thị Oanh T kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Quá trình chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình không hàn gắn được, hai người phải sống ly thân đến nay.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 05/5/2009.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Nay ông Nguyễn Văn T yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Oanh T, ông T thống nhất giao con chung tên Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 05/5/2009 cho bà Nguyễn Thị Oanh T nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quan điểm của Kiểm sát viên về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, hòa giải, cấp tổng đạt văn bản tố tụng và thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Đối với các đương sự; nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật. Riêng đối với bị đơn không chấp hành quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn gia đình giữa ông T với bà Oanh T xoay quanh kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã với nhau từ đó hai người phải sống ly thân với nhau. Tại tòa hôm nay bà Oanh T vắng mặt không rõ lý do.

Xét đơn yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T là có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

Cho ông Nguyễn Văn T ly hôn với bà Nguyễn Thị Oanh T.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của em Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 05/5/2009 tự nguyện sống chung với bà Nguyễn Thị Oanh T, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về tố tụng*: Nguyên đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt không rõ lý do; căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử.

[2] *Về quan hệ tranh chấp*: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con; Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Nhận thấy, do có tìm hiểu quen biết trước và được sự chấp thuận của cha mẹ hai bên, ông T với bà Oanh T quyết định xác lập quan hệ hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình là hôn nhân hợp pháp.

[4] Nhận thấy; theo nội dung đơn khởi kiện và lời khai tại tòa ông Nguyễn Văn T, sau khi kết hôn về chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình kéo dài không hàn gắn được, nguyên nhân do kinh tế gia đình khó khăn, không cải thiện được cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, mâu thuẫn gia đình ngày càng trầm trọng không hàn gắn được nên ông T với bà Oanh T phải sống ly thân với nhau.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị Oanh T là bị đơn trong vụ án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bà T cố tình vắng mặt không rõ lý do.

[6] Còn em Nguyễn Ngọc T V khai, nếu cha với mẹ ly hôn em tự nguyện sống chung với mẹ, ngoài ra em không có yêu cầu gì khác.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nội dung vụ án, phù hợp với quy định của pháp luật, có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy trong quá trình chung sống mâu thuẫn gia đình giữa ông Nguyễn Văn T với bà Nguyễn Thị Oanh T ngày càng trầm trọng, không hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ các Điều 53, 58 Luật hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của em Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 05/5/2009, tự nguyện sống chung với bà Nguyễn Thị Oanh T. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

[7] *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 227, khoản 2 Điều 228, Điều 35, Điều 39, Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Văn T.

Tuyên xử: Cho ông Nguyễn Văn T ly hôn với bà Nguyễn Thị Oanh T.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của em Nguyễn Ngọc T V, sinh ngày 05/5/2009, tự nguyện sống chung với mẹ bà Nguyễn Thị Oanh T. Ông Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền tới thăm chăm sóc giáo dục con chung, không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: nợ chung: Không có.

Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0014237 ngày 18 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho các đương sự biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

Diệp Hồng Tân

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu.

Diệp Hồng Tân

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN

Huỳnh Ngọc Song

Trần Thị Sang

Diệp Hồng Tân

